

PHẬT THUYẾT A-DI-ĐÀ KINH

QUYỂN THỨ NĂM

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 366

Hán dịch: Cư-ma-la-thập

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến

Hiệu đính: Thích Nữ Chơn Tịnh (08-2007)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 366 佛說阿彌陀經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 366 Phật thuyết A-di-đà Kinh,

CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14 (UTF-8) Normalized Version, Release
Date: 2004/11/14

=====

*Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính
No. 366 [No. 367]*

佛說阿彌陀經

Phật thuyết A-di-đà Kinh

Phật Thuyết A-di-đà Kinh

姚秦龜茲三藏鳩摩羅什譯

Diêu Tần Quy Tư Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch
Đòi Diêu Tần, nước Quy Tư, Tam Tạng Cưu-ma-la-thập dịch

如是我聞。

Như thị ngã văn。

Tôi nghe như vậy,

一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。與大比丘僧千二百五十人俱。

Nhất thời Phật tại xá vệ quốc Kì Thọ Cấp cô độc viên。Dữ Đại Tỷ-kheo tăng thiên

Nhị bách ngũ thập nhân câu。

một thời đức Phật ở nước Xá-vệ trong rừng cây thái tử Kỳ-đà Vườn Cấp-Cô-Độc, cùng
với đại chúng Tỷ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi vị câu hội。

皆是大阿羅漢。眾所知識。長老舍利弗。

Giai thị Đại A-la-hán。Chúng sở tri thức。Trưởng Lão Xá-lợi-phất。

Đều là những bậc A-la-hán, là chỗ quen biết của đại chúng。Trưởng lão Xá-lợi-phất。

摩訶目乾連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。

Ma-Ha Mục-Kiên-Liên。Ma ha Ca-diếp。Ma-Ha Ca-Chiên-Diên。

Đại Mục-kiên-liên, Đại Ca-diếp, Đại Ca-chiên-diên,

摩訶拘絺羅。離婆多。周梨槃陀迦。難陀。阿難陀。

Ma-Ha câu hi la。Ly bà đa。Châu-Lợi-Bàn-Đà-Dà。Nan-đà。A-nan-đà。

Đại Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu-Lợi-Bàn-Đà-Dà, Nan-đà, A-nan-đà

羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。

la hầu la。Kiều-Phạm-Ba-Đề。Tân đầu lô pha la đọa。Ca-Lưu-Đà-Di。

La-Hầu-La, Kiều-Phạm-Ba-Đề, Tân-Đầu-Lô-Phả-La-Đọa, Ca-Lưu-Đà-Di,

摩訶劫賓那。薄俱羅。阿耨樓駄。

Ma-Ha kiếp tân na。Bạc-Câu-La。A Nậu Lâu-Đà。

Đại Kiếp Tân Na, Bạc-Câu-La, A-Nậu-Lâu-Đà

如是等諸大弟子。并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。

như thị đẳng chư Đại đệ-tử。Tinh chư Bồ-tát Ma-Ha tát。Văn-thù-su-lợi Pháp-Vương-
Tử。

và còn nhiều vị đệ tử cũng như thế, cùng các Bồ-tát Ma-ha-tát。Nhu Văn-thù-su-lợi
Pháp Vương Tử,

阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。

a dật đa Bồ-tát。Kiền đà ha đề Bồ-tát。Thường tinh tiến Bồ-tát。

A-Dật-Đa Bồ-tát, Càng Đà-Ha-Đề-Bồ-tát, Thường-Tinh-Tấn Bồ-tát,

與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等。

dữ như thị đẳng chư Đại Bồ-tát。Cập thích đề hoàn nhân đẳng。

và nhiều vị đại Bồ-tát cũng như thế. Cả vua Đế Thích và các vua khác
無量諸天大眾俱。

vô lượng chư Thiên Đại chúng câu.

cùng vô lượng chư thiên cùng đến dự hội.

爾時佛告長老舍利弗。

nhĩ thời Phật cáo Trưởng Lão Xá-lợi-phất。

Lúc bấy giờ Phật bảo Trưởng Lão Xá-lợi-phất:

從是西方過十萬億佛土。有世界名曰極樂。

tông thị Tây phương quá thập vạn ức Phật thổ. Hữu thế giới danh viết Cực-Lạc。

Từ đây sang Tây phương quá mười vạn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc,
其土有佛號阿彌陀。今現在說法。舍利弗。

kỳ độ hữu Phật hiệu A-di-đà. Kim hiện tại thuyết Pháp. Xá-lợi-phất。

cõi nước ấy có đức Phật hiệu A-di-đà, hiện nay đang thuyết pháp. Xá-lợi-phất,
彼土何故名為極樂。其國眾生無有眾苦。

bỉ độ hà cổ danh vi Cực-Lạc. Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ。

cõi nước kia vì sao gọi là Cực Lạc? Vì chúng sanh trong cõi đó không có sự thống
khổ。

但受諸樂故名極樂。又舍利弗。極樂國土。

đãn thọ chư lạc cổ danh Cực-Lạc. Hựu Xá-lợi-phất. Cực-Lạc quốc thổ。

Mà chỉ nhận toàn vui cho nên gọi là Cực Lạc. Lại nữa, cõi nước Cực Lạc ấy,

七重欄楯七重羅網七重行樹。皆是四寶周匝圍繞。

thất trọng lan thuẫn thất trọng la võng thất trọng hành thụ. Giai thị tứ bảo châu
tạp vây quanh。

có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng, bảy lớp hàng cây đều làm bằng bốn thứ báu
bao vây chung quanh。

是故彼國名曰極樂。又舍利弗。極樂國土有七寶池。

thị cố bỉ quốc danh viết Cực-Lạc. Hựu Xá-lợi-phất. Cực-Lạc quốc thổ hữu thất bảo
trì。

Cho nên, cõi nước kia gọi là Cực Lạc. Lại nữa, Xá-lợi-phất, cõi nước Cực Lạc ấy có
ao bảy báu,

八功德水充滿其中。池底純以金沙布地。

bát công đức thủy sung mãn kỳ trung. Trì đê thuần dĩ kim sa bố địa。

nước tám công đức thường đầy trong đó, đáy ao dùng cát vàng rải khắp mặt đất,
四邊階道。金銀琉璃頗梨合成。上有樓閣。

tứ biên giai đạo. Kim ngân lưu ly pha lê hợp thành. Thượng hữu lâu các。

các bậc thang bốn bên bờ ao đều dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, hợp thành. Trên có
lầu gác,

亦以金銀琉璃頗梨車磑赤珠馬瑙而

diệc dĩ kim ngân lưu ly pha lê xa cừ xích-châu mã-nã nhi

cũng dùng vàng bạc lưu ly, pha lê, xa cừ, mã nã, mà hợp thành dùng

嚴飾之。池中蓮花大如車輪。青色青光。

nghiêm sức chi. Trì trung liên hoa Đại như xa luân. Thanh sắc thanh quang

để trang nghiêm. Trong ao có hoa sen lớn bằng bánh xe hoa sen xanh thì có ánh sáng
xanh,

黃色黃光。赤色赤光。白色白光微妙香潔。

hoàng sắc hoàng quang. Xích sắc xích quang. Bạch sắc bạch quang vi diệu hương
khiết。

hoa sen vàng, thì có ánh sáng vàng, hoa sen đỏ thì có ánh sáng đỏ hoa sen trắng
thì có ánh sáng trắng, đều vi diệu thơm tho thanh khiết。

舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

Xá-lợi-phất. Cực-Lạc quốc thổ thành tựu như thị công đức trang nghiêm。

Xá Lợi Phất, t cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy。

又舍利弗。彼佛國土常作天樂。黃金為地。

hựu Xá-lợi-phất. Bỉ Phật quốc thổ thường tác Thiên nhạc. Hoàng kim vi địa.
Lại nữa, Xá-lợi-phất, cõi nước đức Phật kia thường trỗi nhạc trời, vàng ròng làm đất,

晝夜六時天雨曼陀羅華。

trú dạ lục thời Thiên vũ Mạn-đà-la hoa.
ngày đêm sáu thời trời rưới mưa hoa Mạn-đà-la,
其國眾生常以清旦各以衣祴盛眾妙華。

kỳ quốc chúng sanh thường dĩ thanh đán các dĩ y kích thịnh chúng diệu hoa.
chúng sanh cõi kia thường lấy túi vải đựng đầy các loài hoa vi diệu,
供養他方十萬億佛。即以食時還到本國。飯食經行。

cung dưỡng tha phương thập vạn ức Phật. Tức dĩ thực thời hoàn đáo bản quốc. Phạm thực kinh hành.

cúng dường mười vạn ức Phật ở cõi khác, đến giờ ăn liền trở về cõi nước, ăn xong đi kinh hành.

舍利弗。極樂國土成就如是功德莊嚴。

Xá-lợi-phất. Cực-Lạc quốc thổ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.
Xá-lợi-phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như vậy.

復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。

phục thứ Xá-lợi-phất. Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kì diệu tạp sắc chi điều.
Lại nữa, Xá-lợi-phất, nước Cực Lạc kia có các thứ chim lạ màu sắc đẹp đẽ.

白鵠孔雀鸚鵡舍利迦陵頻伽共命之鳥。

Bạch-hạc Khổng-tước anh vũ Xá-lợi Ca-lăng-tần-già Cộng-mạng chi điều。
Như là chim Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, Xá-Lợi, Ca-Lăng-Tần-Già và Cộng-Mạng.
是諸眾鳥。晝夜六時出和雅音。

thị chư chúng điều. Trú dạ lục thời xuất hòa nhã âm.

các loài chim này, ngày đêm sáu thời thường hát ra âm thanh hoà nhã.

其音演暢五根五力七菩提分八聖道分如是等法。

kỳ âm diễn sướng ngũ căn ngũ lực thất bồ đề phân bát Thánh đạo phân như thị đẳng Pháp.

Âm thanh ấy diễn xướng Năm căn, Năm lực, Thất bồ đề phần, Bát thánh đạo phần và nhiều pháp khác cũng như thế.

其土眾生聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

kỳ độ chúng sanh văn thị âm dĩ. Giai tất niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

Chúng sanh ở cõi kia nghe âm thanh đó rồi đều phát tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng.

舍利弗。汝勿謂此鳥實是罪報所生。

Xá-lợi-phất. Nhữ vật vị thù điều thật thị tội báo sở sanh.

Xá-lợi-phất Ông chớ cho rằng loài chim này thật là do tội báo sanh ra,
所以者何。彼佛國土無三惡趣。舍利弗。

sở dĩ giả hà. Bỉ Phật quốc thổ vô tam ác thú. Xá-lợi-phất.

vì sao như vậy? cõi nước đức Phật kia không có ba đường ác. Xá-lợi-phất,
其佛國土尚無三惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。

kỳ Phật quốc thổ thượng vô tam ác đạo chi danh. Hà hưởng hữu thật. Thị chư chúng điều.

cõi nước đức Phật kia còn không có tên ba đường ác hưởng chi có các loài chim thật kia,

皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流變化所作。

giai thị A-di-đà Phật. Dục lệnh Pháp âm tuyên lưu biến hoá sở tác.

đều đó do đức Phật A-di-đà, muốn khiến chánh pháp lưu thông nên biến hoá ra.

舍利弗。彼佛國土。

Xá-lợi-phất. Bỉ Phật quốc thổ。

Xá-lợi-phất, cõi nước đức Phật kia,

微風吹動諸寶行樹及寶羅網出微妙音。譬如百千種樂同時俱作。

vi phong xuy động chu bảo hành thụ cập bảo la vông xuất vi Diệu-Âm. Thí như bách thiên chủng lạc đồng thời câu tác.

gió vi diệu thổi làm lay động các hàng cây và các lưới báu xuất ra những âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn món nhạc đồng thời trỗi lên.

聞是音者皆自然生念佛念法念僧之心。

văn thị âm giả giai tự nhiên sanh niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng chi tâm。

Người nghe âm thanh này rồi tự nhiên sanh tâm niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng。

舍利弗。其佛國土成就如是功德莊嚴。

Xá-lợi-phất。Kỳ Phật quốc thổ thành tựu như thị công đức trang nghiêm。

Xá-lợi-phất, cõi nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như vậy。

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

Xá-lợi-phất。Ư nhữ ý vân hà。Bì Phật hà cổ hiệu A-di-đà。

Xa Lợi Phất, ý Ông nghĩ sao? đức Phật kia vì sao hiệu là A-di-đà?

舍利弗。彼佛光明無量。

Xá-lợi-phất。Bì Phật quang-minh vô lượng。

Xá-lợi-phất, đức Phật kia có hào quang vô lượng,

照十方國無所障礙。是故號為阿彌陀。又舍利弗。彼佛壽命。

chiếu thập phương quốc vô sở chướng ngại。Thị cổ hiệu vi A-di-đà。Hựu Xá-lợi-phất。Bì Phật thọ mạng。

chiếu khắp mười phương cõi nước không có chỗ nào chướng ngại。Lại nữa, Xá-lợi-phất, thọ mạng của đức Phật kia

及其人民無量無邊阿僧祇劫。

cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên a tăng kì kiếp。

và nhân dân trong cả nước ấy sống lâu vô lượng vô biên a- tăng- kì- kiếp,

故名阿彌陀。舍利弗。阿彌陀佛成佛已來於今十劫。

cổ danh A-di-đà。Xá-lợi-phất。A-di-đà Phật thành Phật dĩ lai ư kim thập kiếp。

nên gọi A-di-đà。Xá-lợi-phất, đức Phật A-di-đà thành Phật đến nay hơn mười kiếp。

又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。

hựu Xá-lợi-phất。Bì Phật hữu vô lượng vô biên thanh văn đệ-tử。

Lại nữa, Xá-lợi-phất, đức Phật kia có vô lượng vô biên Thanh văn đệ tử

皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩亦復如是。

giai A-la-hán。Phi thị toán số chi sở năng tri。Chư Bồ-tát diệc phục như thị。

đều là bậc A-La-Hán chẳng phải dùng toán số mà có thể biết được, các vị Bồ-tát cũng đều như vậy。

舍利弗。彼佛國土成就如是功德莊嚴。

Xá-lợi-phất。Bì Phật quốc thổ thành tựu như thị công đức trang nghiêm。

Xá-lợi-phất, cõi nước đức Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như vậy。

又舍利弗。

hựu Xá-lợi-phất

Lại nữa, Xá-lợi-phất。

極樂國土眾生者皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。

Cực-Lạc quốc thổ chúng sanh sanh giả giai thị a tỳ bạt trí。Kỳ trung đa hữu Nhất-sanh-bồ-xú。Kỳ số thậm đa。

Cõi nước Cực Lạc, chúng sanh sanh về cõi ấy đều là bậc A Bệ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị nhất sanh bồ xú, số ấy rất nhiều,

非是算數所能知之。

phi thị toán số sở năng tri chi。

không thể dùng toán số mà biết được。

但可以無量無邊阿僧祇劫說。舍利弗。眾生聞者。

đần khả dĩ vô lượng vô biên a tăng kì kiếp thuyết. Xá-lợi-phất. Chúng sanh văn giả.

Chỉ dùng vô lượng, vô biên, vô số kiếp để nói. Xá-lợi-phất, chúng sanh nghe rồi, 應當發願願生彼國。所以者何。

ứng đương phát nguyện nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà.
nên phải phát nguyện, nguyện sanh về cõi kia. Vì sao vậy?
得與如是諸上善人俱會一處。舍利弗。

đắc dữ như thị chu Thượng-Thiện-Nhơn câu hội nhất xứ. Xá-lợi-phất.
Được cùng các bậc Thượng thiện ở chung một chỗ, Xá-lợi-phất.

不可以少善根福德因緣得生彼國。舍利弗。若有善男子善女人。

bất khả dĩ thiếu thiện căn phúc đức nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá-lợi-phất. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân。

Không thể dùng một ít thiện căn phúc đức nhân duyên mà sanh về cõi kia được. Xá-lợi-phất, nếu có người thiện nam thiện nữ nào,

聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。

văn thuyết A-di-đà Phật. Chấp trì danh hiệu. nhược nhất nhật. Nhược nhị nhật.
nghe đức Phật A-di-đà dạy, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày
若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。

nhược tam nhật. Nhược tứ nhật. Nhược ngũ nhật. Nhược lục nhật. Nhược thất nhật.
hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày。

一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。

nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời. A-di-đà Phật dữ chu Thánh chúng.
Tâm chuyên nhất không tán loạn, thì người kia khi sắp lâm chung được đức Phật A-di-đà và Thánh chúng

現在其前。是人終時心不顛倒。

hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời tâm bất điên đảo。

ở trước mặt, thì người ấy lúc lâm chung tâm không tán loạn,
即得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。

tức đắc vãng sanh A-di-đà Phật Cực-Lạc quốc thổ. Xá-lợi-phất。

liền được vãng sanh về cõi nước của đức Phật A-di-đà. Xá-lợi-phất,
我見是利故說此言。若有眾生聞是說者。

ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn. Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả.
Ta thấy lợi ích như vậy nên nói lời này, nếu có chúng sanh nghe lời Ta nói
應當發願生彼國土。

ứng đương phát nguyện sanh bỉ quốc thổ.
thì nên phát nguyện sanh về cõi nước kia。

舍利弗。

Xá-lợi-phất。

Xá-lợi-phất!

如我今者讚歎阿彌陀佛不可思議功德。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。

như ngã kim giả tán thán A-di-đà Phật bất khả tư nghị công đức. Đông phương diệc
hữu A-Súc-Bệ Phật. Tu-Di-Tướng Phật。

Như nay Ta tán thán đức Phật A-di-đà có công đức không thể nghĩ bàn, thì phương
Đông cũng có đức Phật A-Súc-Bệ, đức Phật Tu-di Tướng,
大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。

Đại-Tu-Di Phật. Tu-Di-Quang Phật. Diệu-Âm Phật。

đức Phật Đại-Tu-Di, đức Phật Tu-di Quang, đức Phật Diệu Âm,

如是等恒河沙數諸佛。各於其國出廣長舌相。

như thị đẳng hằng-hà sa-số chu Phật. Các u kỳ quốc xuất quang trường thiết tướng.
và còn hằng hà sa số chu Phật như thế nữa, mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng
lưỡi rộng dài,

遍覆三千大千世界說誠實言。

biển phúc tam Thiên Đại Thiên thế giới thuyết thành thật ngôn.
che khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nói lời thành thật rằng:
汝等眾生當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。
nhữ đấng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tu nghị công đức nhất thiết chu
Phật sở hộ niệm Kinh.
Chúng sanh các người nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn bản kinh
được chu Phật hộ niệm.
舍利弗。南方世界有日月燈佛。名聞光佛。
Xá-lợi-phất。Nam phương thế giới hữu Nhật-Nguyệt-Đăng Phật Danh-Văn-Quang Phật。
Xá-lợi-phất, thế giới phương Nam có đức Phật Nhật-Nguyệt-Đăng, đức Phật Danh Văn
Quang,
大焰肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。
Đại-Diêm-Kiên Phật。Tu-Di-Đăng Phật。Vô lượng tinh tấn Phật。
đức Phật Đại-Diêm-Kiên, đức Phật Tu-Di-Đăng, đức Phật Vô Lượng Tinh Tấn。
如是等恒河沙數諸佛。各於其國出廣長舌相。
như thị đấng hằng-hà sa-số chu Phật。Các ư kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng。
và còn hằng hà sa số chu Phật như thế nữa。Mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng
lưỡi rộng dài
遍覆三千大千世界說誠實言。
biển phúc tam Thiên Đại Thiên thế giới thuyết thành thật ngôn。
che khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nói lời thành thật rằng:
汝等眾生當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。
nhữ đấng chúng sanh đương tín thị xưng tán bất khả tu nghị công đức nhất thiết chu
Phật sở hộ niệm Kinh。
Chúng sanh các người nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của bản
kinh này thì được chu Phật hộ niệm。
舍利弗。西方世界有無量壽佛。無量相佛。
Xá-lợi-phất。Tây phương thế giới hữu Vô lượng thọ Phật。Vô-Lượng-Tướng Phật。
Xá-lợi-phất thế giới phương Tây có đức Phật Vô Lượng Thọ đức Phật Vô Lượng tướng
無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。
Vô-Lượng-Tràng Phật。Đại quang Phật。Đại minh Phật。Bảo-Tướng Phật。Tịnh Quang
Phật。
đức Phật Vô-Lượng-Tràng, đức Phật Đại Quang, đức Phật Đại Minh, đức Phật Bảo
Tướng, đức Phật Tịnh Quang,
如是等恒河沙數諸佛。
như thị đấng hằng-hà sa-số chu Phật。
và còn hằng hà sa số chu Phật như thế nữa。
各於其國出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。
các ư kỳ quốc xuất quảng trường thiết tướng。Biển phúc tam Thiên Đại Thiên thế
giới thuyết thành thật ngôn。
Mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế
giới và nói lời thành thật rằng:
汝等眾生。
nhữ đấng chúng sanh。
chúng sanh các người
當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。
đương tín thị xưng tán bất khả tu nghị công đức nhất thiết chu Phật sở hộ niệm
Kinh。
nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của bản kinh này thì được chu
Phật hộ niệm.,
舍利弗。北方世界有焰肩佛。最勝音佛。
Xá-lợi-phất。Bắc phương thế giới hữu Diêm-Kiên Phật。Tối-Thắng-Âm Phật。
Xá-lợi-phất, ở thế giới phương Bắc có đức Phật Diêm Kiên, đức Phật Tối Thắng Âm,

難沮佛。日生佛。網明佛。

Nan-Tự Phật. Nhật-Sanh Phật. Vông-Minh Phật.

đức Phật Nan Tự, đức Phật Nhật Sanh, đức Phật Vông Minh,

如是等恒河沙數諸佛。

như thị đẳng hằng-hà sa-số chư Phật.

và còn hằng hà sa số chư Phật như thế nữa.

各於其國出廣長舌相遍覆三千大千世界說誠實言。汝等眾生。

các ư kỳ quốc xuất quang trường thiết tướng biến phúc tam Thiên Đại Thiên thế giới

thuyết thành thật ngôn. Nhữ đẳng chúng sanh.

Mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng lưỡi rộng dài che khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nói lời thành thật rằng: Chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm

Kinh.

nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của bản kinh này thì được chư Phật hộ niệm.

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。

Xá-lợi-phất. Hạ phương thế giới hữu Sư-tử Phật. Danh-Văn Phật.

Xá-lợi-phất, ở thế giới phương Dưới, có đức Phật Sư Tử, đức Phật Danh-Văn,

名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。

Danh-Quang Phật. Đạt ma Phật. Pháp-Tràng Phật. Trì Pháp Phật.

đức Phật Danh Quang, đức Phật Đạt-Ma, đức Phật Pháp-Tràng, đức Phật Trì-Pháp

如是等恒河沙數諸佛。各於其國出廣長舌相。

như thị đẳng hằng-hà sa-số chư Phật. Các ư kỳ quốc xuất quang trường thiết tướng.

và còn hằng hà sa số chư Phật như thế nữa. Mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng lưỡi rộng dài

遍覆三千大千世界說誠實言。汝等眾生。

biến phúc tam Thiên Đại Thiên thế giới thuyết thành thật ngôn. Nhữ đẳng chúng sanh.

che khắp ba ngàn đại thiên thế giới và nói lời thành thật rằng: chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm

Kinh.

nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của bản kinh này thì được chư Phật hộ niệm.

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。

Xá-lợi-phất. Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật. Tú-Vương Phật.

Xá-lợi-phất, ở thế giới phương Trên có đức Phật Phạm-Âm, đức Phật Tú-Vương,

香上佛。香光佛。大焰肩佛。雜色寶華嚴身佛。

Hương Thượng Phật. Hương Quang Phật. Đại-Diệm-Kiên Phật. Tạp sắc bảo hoa nghiêm thân Phật.

đức Phật Hương Thượng, đức Phật Hương Quang, đức Phật Đại-Diệm-Kiên, đức Phật Tạp-Sắc-Bảo-Hoa-Nghiêm-Thân,

娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。

sa la thụ Vương Phật. Bảo hoa đức Phật. Kiến-Nhất-Thiết-Nghĩa Phật. Như Tu-Di sơn Phật.

đức Phật Ta-La-Thụ-Vương, đức Phật Bảo-Hoa-Đức, đức Phật Kiến-Nhất-Thiết-Nghĩa,

đức Phật Như-Tu-Di-Sơn

如是等恒河沙數諸佛。各於其國。

như thị đẳng hằng-hà sa-số chư Phật. Các ư kỳ quốc.

và còn hằng hà sa số chư Phật như thế nữa. Mỗi vị đều ở nước mình mà đưa tướng lưỡi

出廣長舌相。遍覆三千大千世界說誠實言。

xuất quang trường thiết tướng. Biên phúc tam Thiên Đại Thiên thể giới thuyết thành thật ngôn.

mà hiện ra tướng lưỡi dài che khắp ba ngàn đại thiên thể giới và nói lời thành thật rằng:

汝等眾生。

nhữ đẳng chúng sanh.

chúng sanh các người

當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

đương tín thị xưng tán bất khả tư nghị công đức nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh.

nên tin thọ và xưng tán công đức không thể nghĩ bàn của bản kinh này thì được chư Phật hộ niệm.

舍利弗。於汝意云何。

Xá-lợi-phất. Ư nhữ ý vân hà.

Xá-lợi-phất, ý ông nghĩ sao?

何故名為一切諸佛所護念經。舍利弗。若有善男子善女人。

hà cố danh vi nhất thiết chư Phật sở hộ niệm Kinh. xá-lợi-phất. Nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân .

Thế nào gọi là kinh được tất cả chư Phật hộ niệm? xá-lợi-phất, nếu có người thiện nam kẻ thiện nữ nào,

聞是經受持者。及聞諸佛名者。

văn thị Kinh thọ trì giả. Cập văn chư Phật danh giả.

nghe kinh này mà thọ trì cùng nghe được danh hiệu của các đức Phật,

是諸善男子善女人。皆為一切諸佛共所護念。

thị chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Giai vi nhất thiết chư Phật cộng sở hộ niệm.

thì người thiện nam kẻ thiện nữ ấy đều được chư Phật cùng hộ niệm,

皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。是故舍利弗。

giai đắc bất thối chuyển u a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Thị cố xá-lợi-phất.

đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô-Thượng-Chánh-Đẳng-Chánh-Giác. Vì vậy, cho nên xá-lợi-phất.

汝等皆當信受我語及諸佛所說。

nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.

Các ông đều nên tin thọ lời Ta và lời chư Phật dạy.

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。

Xá-lợi-phất. Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện. Kim phát nguyện. Đương phát nguyện.

Xá-lợi-phất, nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện

欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。

dục sanh A-di-đà Phật quốc giả. Thị chư nhân đẳng.

muốn sanh về cõi nước Cực Lạc của đức Phật A-di-đà, các người ấy

皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土若已生。

giai đắc bất thối chuyển u a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Ư bỉ quốc thổ nhược dĩ sanh.

đều được bất thối chuyển nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở cõi nước kia hoặc đã sanh,

若今生。若當生。是故舍利弗。

nhược kim sanh . nhược đương sanh . thị cố xá-lợi-phất .

hoặc nay vãng sanh, hoặc sẽ vãng sanh, vì vậy, cho nên, xá-lợi-phất,

諸善男子善女人。若有信者。應當發願生彼國土。

chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Nhược hữu tín giả. Ứng đương phát nguyện sanh bỉ quốc thổ.

người thiện nam kẻ thiện nữ ấy nếu có lòng tin, phải nên phát nguyện sanh về cõi nước Cực Lạc.

舍利弗。如我今者稱讚諸佛不可思議功德。

Xá-lợi-phất. Như ngã kim giả xung tán chu Phật bất khả tu nghị công đức.
Xá-lợi-phất như Ta ngày nay khen ngợi công đức không thể nghĩ bàn của chu Phật,
彼諸佛等。亦稱說我不可思議功德。

bỉ chu Phật đấng. Diệc xung thuyết ngã bất khả tu nghị công đức.
thì chu Phật kia cũng khen ngợi Ta có công đức không thể nghĩ bàn,
而作是言。釋迦牟尼佛能為甚難希有之事。

nhi tác thị ngôn. Thích Ca Mâu Ni Phật năng vi thậm nan hi hữu chi sự.
mà nói lời rằng: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có thể làm những việc rất khó làm,
能於娑婆國土五濁惡世。劫濁。見濁。

năng ư Sa Bà quốc thổ ngũ trược ác thế. Kiếp trược. Kiến trược.
có thể ở nơi cõi Ta bà ác ngũ trược như là: Kiếp trược, Kiến trược
煩惱濁。眾生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。

phiền não trược. Chúng sanh trược. Mạng trược trung. Đắc a nậu đa la tam miểu tam
Bồ đề。

Phiền não trược, Chúng sanh trược, mạng trược, trung... mà đắc Vô-Thượng-Chánh-Đẳng-
Chánh-Giác.

為諸眾生。說是一切世間難信之法。

vi chu chúng sanh. Thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi Pháp.
Vì các chúng sanh mà thuyết pháp tất cả thế gian khó tin.

舍利弗當知。我於五濁惡世。行此難事。

Xá-lợi-phất đương tri. Ngã ư ngũ trược ác thế. Hành thử nan sự.
Xá-lợi-phất, nên biết Ta ở trong cõi ác ngũ trược mà làm những việc khó làm,
得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間。

đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Vi nhất thiết thế gian.
mới chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vì tất cả trong thế gian
說此難信之法。是為甚難。佛說此經已。

thuyết thử nan tín chi Pháp. Thị vi thậm nan. Phật thuyết thử Kinh dĩ.
mà nói pháp khó tin này, đó là rất khó, khi đức Phật nói xong kinh này,
舍利弗及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。

Xá-lợi-phất cập chu Tỷ-kheo. Nhất thiết thế gian Thiên Nhơn A-tu-La đấng.
Xá-lợi-phất, cùng các Tỷ-kheo và tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la...
聞佛所說歡喜信受。作禮而去。

văn Phật sở thuyết hoan hi tín thọ. Tác lễ nhi khứ.
Nghe đức Phật dạy như thế đều hoan mà thọ nhận đành lễ rồi lui ra.

佛說阿彌陀經

Phật thuyết A-di-đà Kinh

Phật thuyết Kinh A-di-đà.

無量壽佛 說往生淨土呪。

Vô lượng thọ Phật thuyết vãng sanh tịnh độ chú。

Vô lượng thọ Phật thuyết Vãng sanh tịnh độ chú。

南無阿彌多 婆夜 哆他伽哆夜 哆地夜他 阿彌唎

Nam Mô A di đa bà dạ si tha dà si dạ si địa dạ tha a di lợi,

(上聲) 都婆毘 阿彌唎哆 悉耽婆毘 阿彌

(thượng thanh) đô bà đề A di lợi si tất đàm bà đề a di

唎哆 毘迦蘭哆 伽彌膩 伽伽那拏多

lợi si đề ca lan si đề di nị đề đề na chỉ đa,

迦隸莎婆訶

ca lệ toa bà ha,

誦此呪者阿彌陀佛常住其頂命終之後任

tụng thờ chú giả A-di-đà Phật thường trụ kỳ đĩnh mạng chung chi hậu nhâm
Người tụng chú này, thì đức Phật A-di-đà thường đứng trên đánh người ấy sau khi
mạng chung
運往生。

vận vãng sanh。

sẽ được vãng sanh。

龍樹菩薩願生安養夢感此呪。

long thụ Bồ-tát nguyện sanh an dưỡng mộng cảm thờ chú。

Bồ-tát Long Thọ phát nguyện sanh cõi Cực Lạc mộng cảm ứng chú này

耶舍三藏誦此呪 天平寺鏽法師從耶舍 三藏口受此呪。

Da xá Tam Tạng tụng thờ chú Thiên bình tự tú Pháp sư tông Da xá Tam Tạng khẩu thọ
thờ chú 。

Tam tạng Da-xá trì tụng chú này. Pháp sư tự Tú ở chùa Thiên Bình theo Da-xá Tam
tạng được truyền thọ từ kim khẩu của ngài.

其人云經本外國不來受持 呪法。日夜六時各誦三七遍。

kỳ nhân vân Kinh bản ngoại quốc Bất-lai thọ trì chú Pháp. Nhật dạ lục thời các
tụng tam thất biến。

Người ấy nói rằng: Kinh vốn từ nước ngoài truyền đến, chú pháp này ngày đêm sáu
thời, mỗi thời tụng hai mươi một biến

晨夜藻漱嚼揚 枝然香火於形象前跪合掌誦三七遍。

Thần dạ tẩy sấu tước dương chi nhiên hương hỏa u hình tượng tiền quy hợp chưởng
tụng tam thất biến。

Đầu đêm súc miệng xia răng, rồi thắp hương đèn trước hình tượng Phật, chấp tay
tụng hai mươi một biến

日日 恒爾。

nhật nhật hằng nhĩ。

ngày ngày thường như vậy,

即滅四重五逆十惡謗方等罪悉得除 滅。現在不為一切諸邪鬼神之所惱亂。

tức diệt tứ trọng ngũ nghịch thập ác báng phương đẳng tội tất đắc trừ diệt. Hiện
tại bất vi nhất thiết chư tà quỷ Thần chi sở não loạn。

sẽ diệt được bốn tội nặng, Ngũ nghịch, Thập ác, phi bang hình, hiện tại không bị
tất cả tà quỷ nhiễu loạn

命終 之後任運往生阿彌陀國。

mạng chung chi hậu nhâm vận vãng sanh A-di-đà quốc。

sau khi mạng chung được vãng sanh về nước của Phật A-di-đà

何況晝夜受持誦 讀功德不可思議。

hà huống trú dạ thọ trì tụng đọc công đức bất khả tư nghị。

huống là đêm ngày thọ trì đọc tụng thì có công đức không thể nghĩ bàn。

佛說阿彌陀經卷第一

Phật thuyết A-di-đà Kinh quyển đệ nhất

Phật thuyết A-di-đà Kinh

Quyển Thứ Nhất。

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:03:22 2006

=====